

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88 /QĐ-UBND

Rạch Giá, ngày 25 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn 06 phường gồm Rạch Sỏi, Vĩnh Lạc, Vĩnh Bảo, Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh, Vĩnh Thông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Rạch Giá tại Tờ trình số 14/TTr-LĐTĐBXH ngày 25/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 trên địa bàn các phường: Rạch Sỏi, Vĩnh Lạc, Vĩnh Bảo, Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh, Vĩnh Thông (Phụ lục 1) và danh sách không phê duyệt đối với các trường hợp không đủ điều kiện theo quy định (Phụ lục 2), cụ thể như sau:

Stt	Loại đối tượng	Đối tượng hỗ trợ (Phụ lục 1)		Đối tượng không hỗ trợ (Phụ lục 2)	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền

1	Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm. (nhóm chính sách số 12- mức hỗ trợ là 1.500.000đ/người)	54	81.000.000	-	-
1.1	Lao động các nhóm	30	45.000.000	-	-
1.2	Người bán vé số lẻ lưu động	24	36.000.000	-	-
	Tổng cộng	54	81.000.000	-	-
	Bằng chữ:	Tám mươi một triệu đồng chẵn			

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách người được hỗ trợ và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch UBND các phường, xã: Rạch Sỏi, Vĩnh Lạc, Vĩnh Bảo, Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh, Vĩnh Thông chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho người dân; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách người được nhận hỗ trợ trên địa bàn.

2. Giao phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố có trách nhiệm, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện chi hỗ trợ cho người bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 trên địa bàn các phường nêu trên; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố.

3. Phòng Tài chính thành phố có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trong việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các phường, xã: Rạch Sỏi, Vĩnh Lạc, Vĩnh Bảo, Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh, Vĩnh Thông và những người có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND thành phố;
- Như Điều 3;
- UBMTTQ VN thành phố;
- LĐVP;
- Lưu: VT.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
BỊ MẤT VIỆC LÀM, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Kèm theo Quyết định số .88..QĐ-UBND ngày .25..1.01/2022)

Stt theo phươ ng	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi ở hiện tại	Công việc chính, địa điểm làm việc (hoặc nơi làm việc chủ yếu) trước khi bị mất việc làm, tạm ngưng hoạt động	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Hình thức than h toán (trự c tiếp)	Ghi chú
I. PHƯỜNG VINH THÔNG (04 LP)								
1	Lê Văn Theo	1969		Tạm trú Tổ 5, khu phố 1, Vĩnh Thông	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
2	Huỳnh Tấn Lộc	2005		Tạm trú Tổ 3, khu phố 2, Vĩnh Thông	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
3	Nguyễn Minh Hiền	1958		Tạm trú 39, Tổ 2, khu phố 3, Vĩnh Thông	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
4	Nguyễn Ngọc Tuyết	1967		Tạm trú Tổ 10, khu phố 6, Vĩnh Thông	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
II. PHƯỜNG VINH QUANG (08 LP)								
5	Nguyễn Thị Đen	1954		Tạm trú 597/43 Mạc Cửu	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
6	Lê Thị Hà	1950		478 Quang Trung	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
7	Huỳnh Văn Phó	1970		Tạm trú Hẻm 313 VTT	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
8	Danh Ngọc Phước	1949		Tạm trú 99 Tú Xương	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
9	Lê Thanh Thiên	1960		Tạm trú 388/13 NBK	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
10	Nguyễn Thị Oanh	1954		Tạm trú 388/8/27 NBK	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
11	Nguyễn Hồng Thủy	1957		Tạm trú 11/36 hẻm 1 Nguyễn Tuấn	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú
12	Lê Thị Đông	1962		Tạm trú 581/61 Hai Bà Trưng	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000		Tạm trú



III. PHƯỜNG VINH LẠC (09 LP)								
13	1	Trần Quyết Thắng	1967		Hẻm 18 Nguyễn Văn Cừ	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
14	2	Đình Kim Lợi	1980		474/1/12 Đặng Trần Côn	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	thường trú
15	3	Lê Minh Hòa	1963		14/8 B Nguyễn Văn Cừ	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
16	4	Lê Thị Ngọc Hương	1952		12 Huỳnh Mẫn Đạt	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
17	5	Huỳnh Thị Thu	1978		350/6 Nguyễn Trung Trực	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
18	6	Nguyễn Thị Thúy	1972		174/24 Đổng Đa	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
19	7	Nguyễn Thị Kim Trâm	1958		378 Lâm Quang Ky	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
20	8	Nguyễn Thị Nguyệt	1964		371/8/16 A Lâm Quang Ky	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
21	9	Lâm Bảo Ngọc	2006		487/25 Nguyễn Trung Trực	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	thường trú
IV. PHƯỜNG RẠCH SỎI (01 LP)							1.500.000	
22	1	Ngô Thị Thu Hai	1957		67 Nguyễn Văn Siêu, kp3	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
V. PHƯỜNG VINH THANH (01 LP)							1.500.000	
23	1	Huỳnh Thị Tuyết	1965		228 Nguyễn Trường Tộ (nhà trọ)	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
VI. PHƯỜNG VINH BẢO (01 LP)							1.500.000	
24	1	Cao Thành Trung	2004		34/44/24 Nguyễn Thái Học	Bán lẻ vé số lưu động	1.500.000	tạm trú
Tổng cộng: 24 lao động							36.000.000	

Tổng cộng: Số người hỗ trợ: 24 người; Số tiền: 36.000.000 đồng;
(Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng)

Rạch Giấy, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Người lập danh sách

Phòng LP-
TBXH/TPRG

UBMTTQVN/TPRG

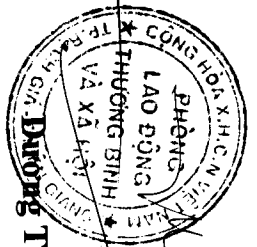
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Lê Truyền

Bùi Văn Hòa

Nguyễn Thị Hồng Linh



DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
BỊ MẤT VIỆC LÀM, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Kèm theo Quyết định số ..88. QĐ-UBND ngày ..25../01/2022)

Stt theo phươ ng	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi ở hiện tại	Công việc chính, địa điểm làm việc (hoặc nơi làm việc chủ yếu) trước khi bị mất việc làm, tạm ngưng hoạt động	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Hình thức thanh toán (trực tiếp)	Ghi chú
I. PHƯỜNG VINH THÔNG (06 LĐ)								
1	Nguyễn Thị Nguyệt	2005		Tổ 1, khu phố 2, VThông	Làm thuê (Cải đầu cá thuê trên đường Lâm Quang Ky)	1.500.000		Thường trú
2	Châu Lê Văn Kuông	1987		Tổ 4, khu phố 2, VThông	Làm thuê (phụ hồ)	1.500.000		Thường trú
3	Nguyễn Thị Mỹ Nguyễn	2005		171 tổ 7, KP4, VThông	Làm thuê (Phụ bán cháo SUSU, 40 Lê Lợi P. VTV)	1.500.000		Thường trú
4	Kha Văn Sơn	2005		tổ 7, KP4V, Thông	Làm thuê (Phụ bán café Mỹ Tang KP6, P. VThông)	1.500.000		Thường trú
5	Hà Thị Chiến	2000		174, tổ 1, KP6, VThông	Làm thuê (nhặt lông yến tại 234, tổ, KP6 Vĩnh Thông)	1.500.000		Thường trú
6	Nguyễn Thị Kim Thủy	27/2/2006		83A tổ 8 KP6, VThông	Làm thuê (Phụ quán café Bo, Mai Thị Hồng Hạnh, phường Rạch Sỏi)	1.500.000		Thường trú
II. PHƯỜNG RẠCH SỎI (07 LĐ)								
7	Phan Thị Hậu	1985		84/4 Nguyễn Gia Thiệu Kp7	Bán hàng rong không có địa điểm cố định (bán bán)	1.500.000		thường trú
8	Trịnh Hoàng Anh Tuấn	1974		nt 50 Trương Vĩnh Ký, Kp2	Bán hàng rong không có địa điểm cố định (bán rau)	1.500.000		thường trú
9	Nguyễn Thị Thanh Kiều	1984		81A Nguyễn Thiện Thuật Kp6	Bán hàng rong không có địa điểm cố định (bán cá)	1.500.000		thường trú
10	Lê Ngô Thanh Dân	2005		418 Nguyễn Chí Thanh, Kp6	nhân viên phục vụ quán cà phê (Tùng)	1.500.000		thường trú
11	Phạm Bình Phương Uyên	2005		85/15 Nguyễn Thiện Thuật, Kp6	Lao động làm thuê (cửa hàng nệm Thoa Cường)	1.500.000		thường trú
12	Võ Văn Tường	1977		546/11 Nguyễn Chí Thanh, kp6	Lao động làm thuê thợ hàn tự do	1.500.000		thường trú
13	Lê Hà Nghĩa	2002		397/16 Nguyễn Chí Thanh, Kp6	Lao động làm thuê thợ hồ tự do	1.500.000		thường trú



III. PHƯỜNG VINH BẢO (03 LB)							4.500.000		
14	1	Phan Thị Anh Đào	28/12/1984		29/8/9 Nguyễn Trung Trực	Thợ may thuê tại địa chỉ 142 Võ Trường Toản	1.500.000		Thường trú
15	2	Trần Kim Hiền	1960		27/3/5 Nguyễn Thái Học	Phụ bán cơm tại 203 Ngô Quyền	1.500.000		Tạm trú
16	3	Đỗ Dương Hoài phúc	28/11/2006		22/4/24 Ngô Quyền	Phục vụ quán Hào Kiệt, đường 3/2	1.500.000		Thường trú
IV. PHƯỜNG VINH THANH (06 LB)							9.000.000		
17	1	Đào Thị Bé Quyên	1989		29/7/2 Mạc Cửu	Bán hủ tiếu tại nhà	1.500.000		Thường trú
18	2	Nguyễn Quốc Dũng	1975		25/12 NCT	Đảm bóp, massage dạo	1.500.000		Thường trú
19	3	Nguyễn Đức Thiện	18/10/2006		31 Nguyễn Văn Kiển	Phụ quán Café Ngọc đường Chi Lăng	1.500.000		Thường trú
20	4	Nguyễn Huệ Đức	18/10/2006		31 Nguyễn Văn Kiển	Phụ quán Café Ngọc đường Chi Lăng	1.500.000		Thường trú
21	5	Dương Phan Tấn Phát	1989		93 Võ Trường Toản	Chạy xe 2 bánh chở hàng	1.500.000		Thường trú
22	6	Lê Văn Dương	1966		30/4 Võ Thị Sáu	Vận chuyển hàng hóa (phế liệu) bằng xe thô sơ (xe lôi)	1.500.000		Thường trú
V. PHƯỜNG VINH LẠC (07 LB)							10.500.000		
23	1	Nguyễn Minh Thành	2005		33/6/24 Chu Văn An	phục vụ quán cà phê Tuấn Lưu, 71 Nguyễn Văn Cừ	1.500.000		thường trú
24	2	Trần Mỹ Hân	1998		466/38/B NTT	giúp việc nhà 575 Ngô Quyền	1.500.000		thường trú
25	3	Trần Thị Ý Hiệp	1976		466/38/B NTT	Bán hàng rong, bánh lá dừa	1.500.000		thường trú
26	4	Nguyễn Phi Hiệp	2005		33/6/28 Chu Văn An	Bán hàng rong, nước mía	1.500.000		thường trú
27	5	Trịnh Thị Thu Phương	1976		466/1/9 NTT	giúp việc nhà tự do	1.500.000		tạm trú
28	6	Lâm Bạch Tố Quyên	2006		94/1 Chu Văn An	làm thuê quán cà phê Thức, dốc cầu Nguyễn Văn Cừ	1.500.000		thường trú
29	7	Huỳnh Ngọc Phương Mai	2005		94/1 Chu Văn An	làm thuê quán cà phê Tào Nhã 1, 25 Lạc Hồng	1.500.000		tạm trú
VI. PHƯỜNG VINH QUANG (01 LB)									
30	1	Danh Thị Thy	2004		Tạm trú Hẻm 313 Võ Trường Toản	Làm thuê phụ bán hải sản : ngao sò ốc hến	1.500.000		thường trú
Tổng cộng: 30 lao động							45.000.000		

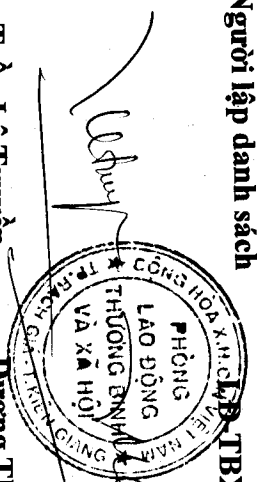
Tổng cộng: Số người hỗ trợ: 30 người; Số tiền: 45.000.000 đồng;
(Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng)

Rach Giá, ngày 5 tháng 01 năm 2022

Người lập danh sách
Phòng TBXH/TPRG

UBND TPVN/TPRG

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lệ Truyền

Dương Thị Cẩm Linh

Bùi Văn Hòa

Nguyễn Thị Hồng Linh

